

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình hành động của ngành tài nguyên và môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách Nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của ngành tài nguyên và môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KHTC.D.

BỘ TRƯỞNG**Trần Hồng Hà**

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023
của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường
kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng 01 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH), Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) ban hành Chương trình hành động với những nội dung sau:

I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2022 là năm có ý nghĩa quan trọng, khẳng định tiến trình phục hồi bền vững và thích ứng an toàn, linh hoạt, hiệu quả với dịch bệnh COVID-19 của nước ta. Tình hình thế giới, trong nước biến động nhanh, phức tạp, khó lường; khó khăn, thách thức, các yếu tố bất lợi xuất hiện ngày càng tăng. Tuy nhiên, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quyết liệt, chủ động, linh hoạt, sáng tạo, thống nhất trong điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương; sự tin tưởng, đồng tình, ủng hộ, chia sẻ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; sự quan tâm, giúp đỡ của bạn bè quốc tế, Bộ TN&MT đã lãnh đạo, chỉ đạo toàn ngành bám sát Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và phương châm “Kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả” để tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển KTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm tháo gỡ các vướng mắc, triển khai các giải pháp đột phá để phát huy nguồn lực tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Từng bước khắc phục hiệu quả các hạn chế, khó khăn và từ yêu cầu mới đặt ra trong việc xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử; xây dựng, mở rộng, hoàn thiện hạ tầng số, nền tảng số, tài nguyên số, thực hiện chuyển đổi số tiến tới Chính phủ số, kinh tế số ngành TN&MT.

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, là năm bản lề thực hiện các Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025, tạo động lực cho các năm tiếp theo để thực hiện thành công các mục tiêu kế hoạch 05 năm 2021-2025. Dự báo tình hình thế giới tiếp tục

diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường hơn, cả về chính trị, an ninh, kinh tế, xã hội; khó khăn, thách thức xuất hiện ngày càng nhiều hơn; kinh tế toàn cầu xu hướng tăng trưởng chậm lại, nguy cơ suy thoái rõ ràng hơn; nhiều dự báo về tăng trưởng kinh tế thế giới ngày càng kém lạc quan và thận trọng hơn. Lạm phát tiếp tục ở mức cao, xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất kéo dài tại nhiều quốc gia. Rủi ro, bất ổn trên thị trường tài chính, thị trường tiền tệ, thị trường bất động sản trên toàn cầu gia tăng. Những vấn đề an ninh phi truyền thống như an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh thông tin cùng tình hình dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, bão lũ... vẫn cần được quan tâm đặc biệt.

Ở trong nước, kinh nghiệm, năng lực và khả năng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh được tích lũy, nâng lên; các hoạt động kinh tế, xã hội chuyển từ thích ứng, phục hồi sang phát triển nhanh, ổn định hơn. Tuy nhiên, những hạn chế, bất cập, vấn đề tích tụ, tồn đọng lâu ngày bộc lộ rõ nét hơn trước tác động của bối cảnh bất định; cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng còn chậm; năng suất lao động chưa cao; thị trường bất động sản biến động phức tạp, còn nhiều khó khăn, vướng mắc chưa được tháo gỡ, xử lý dứt điểm, kịp thời; niềm tin của nhà đầu tư, doanh nghiệp, người dân giảm sút. Hoạt động sản xuất kinh doanh có xu hướng suy giảm, gặp nhiều thách thức khi một số thị trường xuất khẩu, đối tác lớn bị thu hẹp, đồng thời khó khăn trong tiếp cận và huy động vốn. Trong khi đó, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, bão lũ tiếp tục diễn biến bất thường, ảnh hưởng nặng nề hơn.

Trong bối cảnh đó, để phát huy hiệu quả quản lý, sử dụng các tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu cho phát triển đất nước, tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn 2021 - 2025, nhiệm vụ chủ yếu của năm 2023 ngành TN&MT tập trung chủ yếu vào: **(1)** Tiếp tục rà soát, hoàn thiện đồng bộ thể chế về quản lý tài nguyên nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư; tập trung cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tổ chức tốt việc lấy ý kiến Nhân dân, tập trung tiếp thu, chỉnh lý, bảo đảm chất lượng dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi), trình Quốc hội thông qua trong năm 2023; **(2)** Phát huy các nguồn lực về tài nguyên; quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; **(3)** Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; kiểm soát, giám sát chặt chẽ nguồn thải, xử lý các cơ sở ô nhiễm nghiêm trọng; đẩy mạnh việc phân loại rác tại nguồn, thiết lập mạng lưới các cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung theo hướng liên vùng, liên tỉnh; **(4)** Tiếp tục hoàn thiện thể chế, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, hiện đại hóa đồng bộ hệ thống quan trắc, truyền tin, dự báo khí tượng thủy văn cảnh báo, dự báo, cảnh báo sớm các nguy cơ thiên tai, trượt lở đất đá, lũ quét, sạt lở, biển xâm thực. Thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển phát triển hạ tầng, các mô hình phát triển; **(5)** Thực hiện hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển KTXH; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tăng trưởng xanh, chuyển đổi số.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2023

Bộ TN&MT yêu cầu các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nâng cao tinh thần trách nhiệm, tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Mục tiêu chung

Phân đầu hoàn thành các mục tiêu đặt ra:

1.1. Trình Quốc hội thông qua dự án Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); trình Chính phủ dự án Luật Địa chất và Khoáng sản; ban hành các văn bản dưới Luật giải quyết các vướng mắc đặt ra từ thực tiễn. Phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương Tổng kết đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

1.2. Đơn giản hóa 15% - 20% thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ thủ tục trong lĩnh vực TN&MT theo mục tiêu đặt ra; chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm; 63/63 tỉnh thành phố kết nối liên thông thủ tục thanh toán nghĩa vụ tài chính với cơ quan thuế, tổ chức tín dụng; thực hiện cung cấp dịch vụ công thiết yếu như cấp giấy chứng nhận khi thực hiện các quyền theo hình thức trực tuyến ở 30/63 tỉnh thành phố. Thường xuyên thực hiện liên thông các thủ tục, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính

1.3. Phân đầu đưa vào vận hành hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thống nhất, tập trung, kết nối liên thông giữa các ngành; hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu ở 454 đơn vị hành chính cấp huyện; vận hành cổng thông tin địa lý quốc gia, dữ liệu quan trắc, điều tra cơ bản TN&MT.

1.4. Giải quyết căn bản tình trạng lãng phí đất đai, tài nguyên; chỉ số hài lòng của người dân doanh nghiệp đối với thủ tục đất đai và môi trường tăng 2-3%. Cải thiện điểm số nhóm chỉ tiêu “Quyền tài sản vật chất (D2)”.

1.5. Nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai. Chuẩn hóa các quy trình điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục thiết yếu về đăng ký cấp giấy chứng nhận khi thực hiện các quyền. Nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai, nguồn thu từ đất đai chiếm 12% - 15% thu ngân sách nội địa.

1.6. Cải thiện các chỉ số thành phần môi trường; 92% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 95% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 40% rác thải sinh hoạt được xử lý theo mô hình đốt rác, phát điện, tái chế thay cho chôn lấp.

1.7. 90% hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến; khoảng 600 hồ chứa thủy điện, thủy lợi được xác định và công bố dòng chảy tối thiểu sau đập.

1.8. 65% số trạm quan trắc khí tượng thủy văn được tự động hóa để từng bước hình thành mạng lưới quan trắc KTTV hiện đại và tự động hoàn toàn, kết nối, chia sẻ số liệu với các nước trong khu vực, trên thế giới; 100% thiên tai bão,

lũ, được giám sát, dự báo, cảnh báo kịp thời, đủ độ tin cậy; hình thành mạng lưới quan trắc khí tượng thuỷ văn kết nối trong lưu vực sông Mê Công; tăng cường năng lực giám sát môi trường, khí tượng thuỷ văn.

1.9. 39% diện tích vùng biển được điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển ở tỷ lệ bản đồ 1:500.000; 75% diện tích đất liền được lập bản đồ địa chất khoáng sản ở tỷ lệ 1:50.000.

1.10. Tiếp tục miễn, giảm tiền sử dụng đất, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Nguồn thu từ TN&MT đóng góp **18% - 20%** thu ngân sách nội địa.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật TN&MT đáp ứng yêu cầu quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững kinh tế biển, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu với tinh thần lấy người dân, doanh nghiệp vừa là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và là động lực thực hiện. Trong đó, trọng tâm là hoàn thiện pháp luật về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản thông qua việc xây dựng, trình Chính phủ 03 dự án luật: Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Tài nguyên nước (sửa đổi), Luật Địa chất và Khoáng sản nhằm quản lý chặt chẽ, huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài nguyên để phát triển đất nước theo nguyên tắc thị trường. Tổng kết đánh giá 10 năm việc thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; xây dựng Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW.

Tập trung, ưu tiên xử lý các quy định, pháp luật vướng mắc, bất cập trong thực tế; tập trung kiểm soát, tăng cường tính thống nhất, đồng bộ, kết nối giữa các văn bản quy phạm pháp luật, giữa các lĩnh vực quản lý của Bộ. Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình, quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc các lĩnh vực TN&MT. Hoàn thiện các quy định pháp luật về quan trắc, điều tra cơ bản theo hướng kết nối, liên thông các lĩnh vực, bảo đảm tính tập trung, thống nhất, đồng bộ, bổ trợ lẫn nhau để tối ưu về chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động quan trắc, điều tra cơ bản về TN&MT. Xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý thống nhất về cơ sở dữ liệu TN&MT nhằm thiết lập bộ cơ sở dữ liệu số để quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ thông tin tập trung, thống nhất, phục vụ chuyển đổi số ngành TN&MT.

Rà soát, kiểm tra và xử lý các quy định, văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp; thực hiện hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật TN&MT giai đoạn 2019 - 2023.

Tiếp tục kiểm soát quy định TTHC, điều kiện đầu tư kinh doanh trong dự thảo VBQPPL; tiếp tục thực hiện phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, phân cấp giải quyết thủ tục hành chính theo phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 721/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Tập trung xây dựng hoàn thành các quy hoạch quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia đồng bộ, phân bổ hợp lý, phát huy các nguồn lực tài nguyên trong tầm nhìn dài hạn, đảm bảo không gian sinh tồn, sinh thái và không gian phát triển, tăng đóng góp cho tăng trưởng kinh tế; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

2.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi, thượng tôn pháp luật; đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo; tập trung thanh tra, kiểm tra xử lý kịp thời, nghiêm minh những vấn đề bức xúc từ thực tiễn, các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí, các hành vi những nhiều trong thực thi công vụ

Tăng cường cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong thực thi, hoàn thiện chính sách, pháp luật. Thiết lập hệ thống theo dõi đánh giá việc quản lý sử dụng tài nguyên; thực hiện đánh giá xếp hạng chỉ số bảo vệ môi trường cấp tỉnh.

Chuyên hoạt động thanh tra, kiểm tra từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Tập trung thanh tra xử lý nghiêm minh các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ để giải quyết tình trạng những nhiều, hành dân gây bức xúc trong dư luận; dự án được giao đất nhưng chậm đưa vào sử dụng, đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường; tổ chức được giao đất, cho thuê đất có nguồn gốc đất công; việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng; việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; hoạt động đấu giá khoáng sản, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; việc quản lý, sử dụng các mỏ khoáng sản đã hết hạn khai thác theo giấy phép; việc xả nước thải vào nguồn nước; triệt để xử lý dự án treo, chậm tiến độ, đảm bảo lợi ích người dân trong bồi thường, không để xảy ra khiếu kiện. Trong hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với các đơn vị khai thác, sử dụng nước đa mục tiêu, có quy mô lớn; các dự án được giao, sử dụng khu vực biển, cấp giấy phép nhận chìm ở biển; các dự án phải thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn và các nội dung khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Thiết lập các kênh thông tin (đường dây nóng, thư điện tử, hệ thống hỏi đáp,...) theo dõi, đánh giá, phản hồi về công tác quản lý TN&MT ở từng địa phương và chất lượng dịch vụ công của ngành. Phối hợp tốt với các bộ, ngành và địa phương trong việc xây dựng, triển khai kế hoạch thanh tra hàng năm, thiết lập cơ chế trao đổi thông tin để khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp giữa Bộ ngành và địa phương trong lĩnh vực tài nguyên môi trường.

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở từng cấp; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc Thủ tướng Chính phủ giao và các vụ việc thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ; chủ động phối hợp với Thanh tra Chính phủ, các Bộ ngành khác và các địa phương trong giải quyết các vụ việc khiếu kiện tồn đọng, kéo dài.

2.3. Xây dựng tài nguyên số, hạ tầng số, thực hiện chuyển đổi, phát triển kinh tế số ngành TN&MT

- Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách: ban hành hoặc trình các cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật phục vụ phát triển Chính phủ điện tử, chuyển đổi số.

- Bảo đảm, nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ hành chính công qua Cổng dịch vụ công trực tuyến, Hệ thống thông tin một cửa điện tử kết nối, liên thông với Cổng Dịch vụ công quốc gia, nâng cao chỉ số đánh giá của Liên Hợp quốc về Chính phủ điện tử Việt Nam. Công tác chỉ đạo điều hành được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng thông qua trực liên thông văn bản, hệ thống điều hành, hệ thống thông tin báo cáo kết nối từ Trung ương đến địa phương.

- Xây dựng, hoàn thiện nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển Chính phủ điện tử, chuyển đổi số tiến tới Chính phủ số:

+ Ứng dụng các công nghệ chủ chốt của các mạng công nghiệp 4.0 như kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Bigdata), trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ chuỗi khối (Blockchain)... đáp ứng nhu cầu thu nhận, quản lý, lưu trữ, phân tích xử lý thông minh cơ sở dữ liệu, thông tin phục vụ mọi hoạt động của ngành.

+ Triển khai, vận hành hạ tầng số tập trung, sử dụng chung trên nền tảng điện toán đám mây ổn định, an toàn; kết nối với hạ tầng số quốc gia. Xây dựng các nền tảng số phục vụ hoạt động của ngành; kết nối sử dụng chung các nền tảng số, hệ thống quy mô quốc gia.

+ Xây dựng nền tảng dữ liệu số ngành: bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu số cho các dịch vụ công trực tuyến, các hoạt động quản lý, chuyên môn nghiệp vụ của ngành hoàn toàn dựa trên dữ liệu, thông tin. Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ (LGSP), kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cung cấp các dịch vụ bảo đảm tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm triển khai xây dựng và huy động sự tham gia của xã hội trong sự nghiệp Chuyển đổi số ngành TN&MT. Hình thành các nền tảng dữ liệu số quốc gia kết nối các bộ, ngành, địa phương phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội.

+ Thực hiện toàn diện các biện pháp giám sát, điều hành, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, hệ thống phòng chống mã độc; triển khai hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; hệ thống phòng chống mã độc và Trung tâm Giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC).

+ Phát triển nhân lực kỹ thuật số: đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu cho công chức, viên chức, người lao động để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc số. Thu hút, sử dụng, đãi ngộ lực lượng chuyên môn cao về công nghệ số.

2.4. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đổi mới nghiên cứu khoa học, hợp tác, hội nhập quốc tế

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể thuộc Chương trình, Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII, Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII, Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Tiếp tục chỉ đạo, nghiên cứu, cụ thể hóa các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ thành các quy định, quy chế, hướng dẫn,... của Bộ để lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện bảo đảm các khâu trong công tác cán bộ được thực hiện trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch theo đúng quy định của Đảng, Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế của Bộ.

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức gắn với việc sắp xếp, bố trí cán bộ phù hợp; chấn chỉnh, nâng cao kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ; triển khai thực hiện rà soát, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm phù hợp hơn với vị trí việc làm, tình hình thực tế đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Nhiệm vụ từng lĩnh vực quản lý chuyên ngành

3.1. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả, phát huy các nguồn lực tài nguyên

3.1.1. Quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất đai đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Tập trung triển khai các nhiệm vụ giải pháp Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao và Nghị quyết số 39/2021/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025, đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai kết nối với hệ thống thông tin đất đai quốc gia thống nhất, tập trung. Rà soát, xử lý hiệu quả các dự án chậm triển khai, chậm đưa đất vào sử dụng; đề xuất các giải pháp xử lý các vướng mắc của các dự án sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán để đưa các nguồn lực vào phát triển; rà soát chỉ tiêu sử dụng đất căn cứ vào khả năng thu hút đầu tư, yêu cầu phát triển của từng vùng, từng địa phương, phát huy các nguồn lực từ đất đai trong tầm nhìn dài hạn, đảm bảo không gian sinh tồn, sinh thái và không gian phát triển, tăng đóng góp cho tăng trưởng kinh tế của cả nước và

từng địa phương.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đất đai. Tập trung đầu tư, bao gồm cả giải pháp bố trí nguồn thu từ đất cho xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; đưa vào vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia tập trung, thống nhất, đa mục tiêu; kết nối liên thông thực hiện thủ tục hành chính về đất đai với cơ quan thuế, tổ chức tín dụng.

Tiếp tục rà soát, xử lý tình trạng lãng phí đất đai, đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh; các dự án vi phạm pháp luật đất đai; các dự án có vướng mắc sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán,... Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tập trung thanh tra xử lý nghiêm minh các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ để giải quyết tình trạng những nhiễu gây bức xúc trong dư luận.

Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao năng lực các tổ chức dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai. Tăng cường điều tra, đánh giá xác định các tài nguyên đất nhất là các khu vực bị suy thoái nghiêm trọng để có các giải pháp cải tạo phục hồi; kiểm kê quỹ đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông, ven biển để quản lý, sử dụng hiệu quả cho các mục đích phát triển. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội trong quản lý và sử dụng đất, nhất là trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải quyết khiếu nại.

3.1.2. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước bảo đảm an ninh nguồn nước

Hoàn thành xây dựng, trình Chính phủ xem xét, trình Quốc hội Luật Tài nguyên nước (sửa đổi). Thực hiện đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia. Tập trung xây dựng, trình Thủ tướng phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai, sông Mã, sông Hương thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050. Theo dõi, giám sát trực tuyến vận hành các hồ chứa thủy điện lớn; biến động về dòng chảy, chất lượng nước đối với các nguồn nước liên quốc gia; thúc đẩy hợp tác quốc tế trong quản lý, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới. Quản lý các hoạt động khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, bảo đảm an ninh nguồn nước.

Tập trung triển khai, thực hiện việc cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất. Tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế điều phối, giám sát liên ngành trong quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước lưu vực sông. Triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước phục vụ phát triển KTXH, hợp tác chia sẻ hài hòa nguồn nước xuyên biên giới, nhất là sông Mê Công và sông Hồng.

Thực hiện các giải pháp bảo đảm nước sinh hoạt cho người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long và khu vực Nam Trung Bộ trong bối cảnh hạn hán, xâm nhập mặn.

3.1.3. Tăng cường điều tra địa chất phục vụ cho các hoạt động KTXH, quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản chiến lược

Xây dựng trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản; trình Thủ tướng Chính phủ Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; hoàn thành rà soát đề điều chỉnh, bổ sung khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, trình phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định của Nghị định số 51/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ.

Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước kết hợp huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong xã hội và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều tra cơ bản, địa chất môi trường, địa chất tai biến, địa chất công trình, không gian ngầm đô thị ở một số vùng trọng điểm phục vụ mục tiêu phát triển KTXH, quốc phòng, an ninh; đánh giá các loại khoáng sản chiến lược, vật liệu cho công nghiệp năng lượng, công nghiệp bán dẫn; nghiên cứu quy hoạch, xây dựng không gian ngầm; nghiên cứu, đánh giá trữ lượng và khai thác vật liệu thay thế cát phục vụ san lấp cho các dự án hạ tầng. Đẩy mạnh hợp tác, học tập kinh nghiệm quốc tế trong nghiên cứu, điều tra các khoáng sản ẩn sâu; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản, không gian ngầm và quản trị tài nguyên khoáng sản; khảo sát hang động, điều tra, khảo sát các di sản địa chất; cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản.

Số hóa dữ liệu điều tra cơ bản và quản lý tập trung, thống nhất cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên địa chất, khoáng sản. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, xem xét trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân để xảy ra sai phạm trong quản lý, sử dụng khoáng sản và các hoạt động liên quan đến địa chất, khoáng sản. Thu hồi giấy phép khai thác, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản, nhất là lợi dụng để đầu cơ, tích trữ, nâng giá, thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước và nhân dân.

3.1.4. Triển khai Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển, điện gió ngoài khơi.

Tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hoàn thiện các quy định về quản lý tổng hợp TN&MT biển thiết lập hành lang pháp lý, quy hoạch cho phát triển các ngành kinh tế biển, hành lang kinh tế ven biển, khai hoang, lấn biển phù hợp với các quy định quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các chuẩn mực quốc tế, kiểm soát khai thác tài nguyên biển, phục hồi hệ sinh thái biển, gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo.

Điều tra khảo sát, quy hoạch, lập kế hoạch phát triển các trung tâm điện gió, hydrogen xanh để khai thác tài nguyên năng lượng trực xạ và bức xạ (khoảng 3.000 đến 5.000 Wh/m²/ngày), tài nguyên gió (tổng tiềm năng điện gió

ước đạt 513.360 MW), chủ động đón dòng vốn hỗ trợ 15,5 tỷ USD từ Nhóm đối tác quốc tế về chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP).

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030. Xây dựng chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ có phạm vi liên tỉnh. Khảo sát đánh giá tài nguyên biển ở một số khu vực trọng điểm, tạo lập hành lang pháp lý thuận lợi thu hút các nguồn vốn, công nghệ, để khai thác tiềm năng điện gió ngoài khơi, hình thành một số trung tâm năng lượng tái tạo, phát triển các ngành kinh tế biển.

3.2. Tập trung triển khai Luật Bảo vệ môi trường, ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái, cải thiện chất môi trường; đẩy mạnh chuyển đổi xanh, từng bước phục hồi các hệ sinh thái; thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong thập kỷ phát triển bền vững; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường

Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả Luật Bảo vệ môi trường 2020, huy động sự tham gia của toàn dân trong công tác bảo vệ môi trường; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; triển khai đồng bộ, hiệu quả các chế định mới của Luật nhằm sàng lọc dự án đầu tư và chủ động phòng ngừa, kiểm soát, giảm thiểu nguy cơ xảy ra ô nhiễm, đặc biệt các dự án có yếu tố nhạy cảm liên quan đến bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, chuyển đổi đất rừng. Tổ chức thực hiện các quy hoạch về môi trường, phân vùng môi trường làm cơ sở thẩm định, thực hiện các dự án đầu tư đảm bảo hạn ngạch xả thải ra môi trường.

Xây dựng các quy định về: tiêu chí tiếp cận cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh; các cơ chế khuyến khích các dự án công nghệ cao, ít phát thải và dự án theo mô hình tuần hoàn. Thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế dựa vào hệ sinh thái, kinh tế tuần hoàn.

Đẩy mạnh việc phân loại rác tại nguồn, thiết lập mạng lưới các cơ sở xử chất thải rắn tập trung theo hướng liên vùng, liên tỉnh

Đa dạng hóa, thúc đẩy thu hút đầu tư phát triển hạ tầng về môi trường, xử lý tái chế chất thải rắn, rác thải sinh hoạt, nước thải với công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án thu gom xử nước thải, bảo vệ môi trường phục hồi các dòng sông. Kiểm soát ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường không khí ở các đô thị; giải quyết tình trạng ngập úng tại các đô thị, nhất là đô thị lớn. Thiết lập hệ thống các trạm quan trắc môi trường không khí, thống kê, kiểm kê khí thải, kiểm soát chặt chẽ các công trình, nguồn thải, phương tiện giao thông giảm thiểu phát tán bụi, khí thải, hỗ trợ nông dân sử dụng phụ phẩm sau thu hoạch; thiết lập các “hàng rào” kỹ thuật môi trường, áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với các phương tiện giao thông, áp dụng công cụ kinh tế để hạn chế việc sử dụng các phương tiện cũ, lạc hậu tại các khu vực đô thị.

Đánh giá khả năng chịu tải, lập phân vùng và hạn ngạch xả nước thải vào môi trường nước mặt; thực hiện các biện pháp giảm thiểu các nguồn thải gây ô nhiễm, phục hồi môi trường các sông, hồ ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Giám sát, kiểm soát bằng công nghệ tự động các nguồn thải từ các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ; kiểm soát chặt chẽ môi trường khu vực tập trung nhiều nguồn thải tại các KCN, CCN, làng nghề, lưu vực sông, xử lý khu vực, điểm nóng về môi trường, xử lý các cơ sở ô nhiễm nghiêm trọng. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về BVMT, đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật. Duy trì và tăng cường hiệu quả đường dây nóng tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường của trung ương và địa phương.

Thực hiện các mục tiêu cam kết về bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên trên đất liền và trên biển đã được thế giới chính thức thông qua tại Hội nghị lần thứ 15 các bên tham gia Công ước đa dạng sinh học. Điều tra, kiểm kê đa dạng sinh học, mở rộng áp dụng cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái đối với các hệ sinh thái tự nhiên như đất ngập nước, biển, núi đá, hang động và công viên địa chất, thực hiện chương trình, kế hoạch phục hồi, sử dụng bền vững các hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, nhất là rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển và các vùng đất ngập nước quan trọng.

3.3. Hiện đại hóa công tác dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ phát triển KT-XH, phòng chống thiên tai

Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển thị trường dịch vụ, công nghệ khí tượng thủy văn theo phương thức đối tác công - tư. Rà soát hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật khí tượng thủy văn và các văn bản quy phạm pháp luật khác để thực thi hiệu quả Luật Khí tượng thủy văn, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động khí tượng thủy văn; tập trung đẩy nhanh tiến độ việc lập quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050; triển khai Chiến lược phát triển ngành Khí tượng Thủy văn giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045.

Đẩy mạnh chuyển đổi số lĩnh vực khí tượng thủy văn, hoàn thiện phương pháp, quy trình quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đồng bộ, tự động hóa mạng lưới khí tượng thủy văn. Triển khai điều tra, khảo sát, phục vụ cảnh báo sớm trượt lở đất đá, lũ quét các khu vực miền núi trung du Việt Nam.

Ứng phó kịp thời, hiệu quả với thiên tai, hạn hán, lũ lụt, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản cho Nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện, hiện đại hóa đồng bộ hệ thống quan trắc, dự báo, cảnh báo sớm các nguy cơ thiên tai, trượt lở đất đá, lũ quét, sạt lở, biển xâm thực.

3.4. Triển khai kế hoạch hành động thực hiện cam kết chính trị với các đối tác, tận dụng các thời cơ, chuyển hóa các thách thức, đưa đất nước phát triển trên con đường xanh, chủ động ứng phó trước các thách thức của BĐKH.

Tiếp tục triển khai thi hành các quy định của Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát; Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật). Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu tại Đề án triển khai kết quả COP26, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu, Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê tan. Xây dựng các quy định về quản lý tín chỉ các-bon tại Việt Nam, thúc đẩy phát triển thị trường các-bon trong nước và kết nối với thị trường các-bon khu vực và thế giới.

Tập trung triển khai các chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu; hoàn thiện các cơ chế chính sách thu hút nguồn lực đầu tư, sẵn sàng đón dòng vốn hỗ trợ của các đối tác quốc tế trong Quan hệ đối tác về chuyển đổi năng lượng công bằng với G7 và các đối tác quốc tế vào lĩnh vực năng lượng sạch, tái tạo, chuyển đổi xanh; tăng cường truyền thông, phổ biến các quy định của quốc tế trong việc áp dụng các tiêu chuẩn phát thải, đặc biệt là Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon đối với hàng hóa vào thị trường EU. Triển khai đánh giá tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu và tăng cường quản lý các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Tổ chức Phiên họp lần thứ 8 Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Hà Lan về thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý nước.

Xây dựng kế hoạch triển khai Tuyên bố chính trị về chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP) để đón dòng vốn hỗ trợ 15,5 tỷ USD từ nguồn tài chính công và tư nhân của các đối tác và đón cơ hội tiếp cận công nghệ, tài chính cho thực hiện mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 và phát triển hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu.

3.5. Đổi mới đồng bộ thể chế phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH.

Tổ chức tốt việc lấy kiến Nhân dân để hoàn thiện dự án Luật đất đai (sửa đổi) đảm bảo đồng bộ, thống nhất, tổng thể, chiến lược phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, tạo động lực cho phát triển. Trình Quốc hội xem xét dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 5; trình Chính phủ dự án Luật Địa chất và Khoáng sản.

Tiếp tục bám sát yêu cầu thực tiễn, tăng cường phản ứng chính sách, sửa đổi bổ sung kịp thời các quy định chưa phù hợp thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Ban hành hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn tiệm cận các nước tiên tiến trong khu vực. Tiếp tục cắt giảm các thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp thẩm quyền đi đôi với kiểm tra giám sát, kiểm soát việc thực thi.

Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm quán triệt, thống nhất từ nhận thức đến tổ chức thực hiện; đảm bảo thượng tôn pháp luật; tăng cường sự kiểm tra giám sát của các tổ chức và Nhân dân.

3.6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy theo chức năng nhiệm vụ và tổ chức mới; thúc đẩy cải cách hành chính, hội nhập

Tổ chức hoạt động theo quy định mới về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ. Triển khai nhiệm vụ Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ. Thực hiện công tác luân chuyển, sắp xếp, bố trí công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý; tinh giản biên chế; tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức của ngành.

Thực hiện cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục kiểm tra chuyên ngành ngay trong xây dựng, trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tạo lập hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, minh bạch. Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhất là trong lĩnh vực đất đai, môi trường cho người dân, doanh nghiệp.

Thúc đẩy, mở rộng các diễn đàn đối thoại chính sách, tham vấn các nhà đầu tư/tài trợ, phục vụ trao đổi thông tin pháp luật về TN&MT. Triển khai kết quả của Hội nghị COP27 và thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ, thu hút đầu tư vào vào năng lượng sạch, tái tạo; đồng thời tăng sức cạnh tranh và các cơ hội thâm nhập thị trường các nước G7, EU của hàng hóa Việt Nam trước các tiêu chuẩn về phát thải khí nhà kính trong sản phẩm hàng hóa (Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon áp dụng đánh thuế các-bon đối với hàng hóa nhập khẩu dựa trên lượng các-bon phát thải trong quá trình sản xuất hàng hóa).

3.7. Thực hiện chuyển đổi số ngành TN&MT; hoàn thiện, đưa vào vận hành đồng bộ hệ thống hạ tầng thông tin, dữ liệu, mạng lưới quan trắc; hiện đại hóa hạ tầng không gian địa lý; ứng dụng công nghệ viễn thám trong giám sát TN&MT

Tập trung xây dựng hệ thống thông tin đất đai kết nối với cơ sở dữ liệu đất đai của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Xây dựng các nền tảng dữ liệu lớn như thông tin địa lý, dữ liệu viễn thám, quan trắc, môi trường, dữ liệu điều tra cơ bản.

Kết nối, liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành phục vụ phát triển Chính phủ điện tử thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ, quốc gia.

Triển khai hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025 tầm nhìn đến năm 2030 theo tinh thần năm 2023 là "Năm Dữ liệu số, tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới".

Tiếp tục hoàn thiện Hạ tầng số, các nền tảng số sử dụng chung; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng, giám sát, phòng chống và khắc phục,

ứng cứu sự số kịp thời. Đẩy mạnh xây dựng, thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số thiết thực, hiệu quả, trọng tâm, trọng điểm.

Hoàn chỉnh hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia Việt Nam; xây dựng bộ bản đồ chuẩn và cơ sở dữ liệu bản đồ biên giới quốc gia Việt Nam - Lào.

4. Danh mục các nhiệm vụ chủ yếu triển khai năm 2023

- Phụ lục 01: Danh mục văn bản quy phạm pháp luật năm 2023
- Phụ lục 02: Danh mục các Đề án, văn bản trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
- Phụ lục 03: Các Chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển KTXH.
- Phụ lục 04: phân công đơn vị đầu môi theo dõi, chủ trì, chịu trách nhiệm một số mục tiêu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2023.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Lãnh đạo Bộ theo lĩnh vực công tác, địa bàn được phân công chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

2.1. Xây dựng Chương trình công tác năm 2023 của đơn vị nhằm cụ thể hoá, cập nhật thường xuyên các nhiệm vụ phát sinh và có kế hoạch triển khai hiệu quả từng nhiệm vụ trong Chương trình hành động này, trong đó phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cán bộ đầu mối, ban hành trước ngày 25 tháng 01 năm 2023 và gửi về Bộ qua Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính để theo dõi đôn đốc.

2.2. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng về chất lượng và tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình này; chủ động xử lý, phối hợp xử lý theo thẩm quyền, hoặc đề xuất với Bộ xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

2.3. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; định kỳ hằng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại các Phụ lục, gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 15 tháng cuối quý để tổng hợp, trình Bộ trưởng báo cáo Chính phủ và phục vụ Bộ trưởng tham dự các phiên họp Chính phủ.

2.4. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và chuẩn bị nội dung đề xuất xây dựng Nghị quyết của Chính phủ cho năm 2024, gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 15 tháng 11 năm 2023 để tổng hợp, trình Bộ trưởng báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ tháng 12 năm 2023.

3. Giám đốc Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nhiệm vụ sau:

3.1. Trên cơ sở kế hoạch, chương trình hành động của địa phương và Chương trình hành động này, xây dựng Chương trình công tác năm 2023 của ngành TN&MT tại địa phương; lựa chọn một số nội dung, chủ đề, mô hình đề xuất với Ủy ban các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí ngân sách địa phương thực hiện và báo cáo về Bộ TN&MT.

3.2. Tăng cường công tác truyền thông, trao đổi, học tập kinh nghiệm của các địa phương để phát huy, nhân rộng các mô hình tốt về quản lý TN&MT; chủ động tham mưu với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về các giải pháp đột phá trong công tác nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

3.3. Báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động hàng quý trước ngày 15 của tháng cuối quý, trong đó lưu ý kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ và các mô hình điểm gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp.

3.4. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao đề xuất các giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ và của Bộ gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 15 tháng 11 năm 2023 để tổng hợp.

4. Trung tâm Truyền thông TN&MT, Báo TN&MT và các đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác truyền thông chính sách từ trung ương tới địa phương; thông tin, truyền truyền nâng cao hiệu quả và sự đồng thuận của người dân, chú trọng và tập trung công tác truyền thông chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước; tổ chức phổ biến, tuyên truyền về nội dung và kết quả thực hiện Chương trình hành động này.

5. Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ định kỳ 6 tháng/lần tổ chức Hội nghị của Bộ trưởng với Giám đốc các Sở TN&MT theo từng nội dung chuyên đề; tiếp tục hoàn thiện phần mềm tra cứu nhanh văn bản quy phạm pháp luật về TN&MT đáp ứng nhu cầu tra cứu của các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp và người dân.

6. Giao Tổ Công tác được thành lập theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ TN&MT thực hiện nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình hành động này.

7. Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp định kỳ kết quả thực hiện Chương trình này, báo cáo Bộ trưởng và các cơ quan chức năng theo quy định./.

Phụ lục 01
DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÌNH CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM 2023

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì soạn thảo	Đơn vị cho ý kiến	Tiến độ, thời gian	
				Trình Bộ trưởng	Trình Chính phủ
1	Luật Đất đai (sửa đổi)	- Vụ Đất đai; - Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất; - Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai.	Vụ Pháp chế	3/2023	3/2023
2	Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)	Cục Quản lý tài nguyên nước	Vụ Pháp chế	01/2023	01/2023
3	Luật Địa chất và Khoáng sản	- Cục Khoáng sản Việt Nam; - Cục Địa chất Việt Nam.	Vụ Pháp chế	9/2023	10/2023
4	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản	Cục Khoáng sản Việt Nam	Vụ Pháp chế	5/2023	6/2023
5	Nghị định thay thế Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Vụ Pháp chế	10/2023	11/2023

II. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA BỘ TRƯỞNG NĂM 2023

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì soạn thảo	Đơn vị thẩm định	Thời gian		
				Thẩm định	Trình Bộ trưởng	Ban hành
I	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG					
1	Thông tư quy định về ủy quyền cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường	Vụ Môi trường	Vụ Pháp chế	Trước 01/7/2023	Trước 15/8/2023	Trước 30/8/2023
II	LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN					
1	Thông tư thay thế Thông tư số 30/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin dữ liệu KTTV đối với trạm KTTV chuyên dùng	Tổng cục Khí tượng thủy văn	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	Trước 01/4/2023	Trước 15/5/2023	Trước 30/5/2023
2	Thông tư thay thế Thông tư số 45/2017/TT-BTNMT ngày 23/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác điều tra khảo sát khí tượng thủy văn	Tổng cục Khí tượng thủy văn	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Pháp chế.	Trước 01/5/2023	Trước 15/6/2023	Trước 30/6/2023
3	Thông tư thay thế Thông tư số 70/2015/TT-BTNMT ngày 23/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đối với hoạt động của các trạm khí tượng thủy văn tự động	Tổng cục Khí tượng thủy văn	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	Trước 01/10/2023	Trước 15/11/2023	Trước 30/11/2023

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì soạn thảo	Đơn vị thẩm định	Thời gian		
				Thẩm định	Trình Bộ trưởng	Ban hành
4	Thông tư thay thế Thông tư số 40/2016/TT-BTNMT ngày 19/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong điều kiện bình thường	Tổng cục Khí tượng thủy văn	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	Trước 01/11/2023	Trước 15/12/2023	Trước 30/12/2023
III	LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO					
1	Thông tư hướng dẫn điều tra, đánh giá, xác định thiệt hại và lập hồ sơ bồi thường thiệt hại về môi trường do dầu tràn	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Vụ Pháp chế	Trước 01/11/2023	Trước 15/12/2023	Trước 30/12/2023
IV	LĨNH VỰC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU					
1	Thông tư hướng dẫn lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch	Cục Biến đổi khí hậu	Vụ Pháp chế	Trước 01/6/2023	Trước 15/7/2023	Trước 30/7/2023
2	Thông tư thay thế Thông tư số 17/2015/TT-BTNMT ngày 06/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng và thực hiện dự án theo Cơ chế tín chỉ chung trong khuôn khổ hợp tác về tăng trưởng các-bon thấp giữa Việt Nam và Nhật Bản	Cục Biến đổi khí hậu	Vụ Pháp chế	Trước 01/6/2023	Trước 15/8/2023	Trước 30/8/2023
3	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát theo Nghị định thư Montreal	Cục Biến đổi khí hậu	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	Trước 01/9/2023	Trước 15/10/2023	Trước 30/10/2023
4	Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động kiểm kê khí nhà kính; đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực chất thải	Cục Biến đổi khí hậu	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Pháp chế.	Trước 01/10/2023	Trước 15/11/2023	Trước 30/11/2023

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì soạn thảo	Đơn vị thẩm định	Thời gian		
				Thẩm định	Trình Bộ trưởng	Ban hành
V	LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ					
1	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	Trước 01/5/2023	Trước 15/6/2023	Trước 30/6/2023
2	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	Trước 01/6/2023	Trước 15/7/2023	Trước 30/7/2023
3	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:250.000	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	Trước 01/8/2023	Trước 15/9/2023	Trước 30/9/2023
4	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:500.000, 1:1.000.000	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	Trước 01/9/2023	Trước 15/10/2023	Trước 30/10/2023
5	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	Trước 01/10/2023	Trước 15/11/2023	Trước 30/11/2023
VI	LĨNH VỰC VIỄN THÁM					
1	Thông tư quy định kỹ thuật giám sát ngập lụt bằng công nghệ viễn thám	Cục Viễn thám quốc gia	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	Trước 01/8/2023	Trước 15/9/2023	Trước 30/9/2023
2	Thông tư quy định kỹ thuật giám sát tình hình khai thác khoáng sản bằng công nghệ viễn thám	Cục Viễn thám quốc gia	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	Trước 01/8/2023	Trước 15/9/2023	Trước 30/9/2023

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì soạn thảo	Đơn vị thẩm định	Thời gian		
				Thẩm định	Trình Bộ trưởng	Ban hành
3	Thông tư quy định kỹ thuật giám sát mực nước lưu vực sông ngoài biên giới bằng công nghệ viễn thám	Cục Viễn thám quốc gia	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	Trước 01/9/2023	Trước 15/10/2023	Trước 30/10/2023
4	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia xây dựng bộ dữ liệu tính toán phát thải các-bon sử dụng tư liệu viễn thám	Cục Viễn thám quốc gia	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	Trước 01/9/2023	Trước 15/10/2023	Trước 30/10/2023
VII	LĨNH VỰC KHÁC					
1	Thông tư về công tác thi đua khen thưởng của ngành tài nguyên và môi trường	Vụ Tổ chức cán bộ	Vụ Pháp chế	Trước 01/8/2023	Trước 15/9/2023	Trước 30/9/2023
2	Thông tư ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Vụ Pháp chế	Trước 01/10/2023	Trước 15/11/2023	Trước 30/11/2023

Phụ lục số 02

DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN, VĂN BẢN TRÌNH CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT		Tên đề án	Cấp trình		Thời gian trình	Đơn vị thực hiện		Ghi chú
	Theo NQ 01		Chính phủ	TTg CP		Chủ trì	Phối hợp	
I	II	Nhóm nhiệm vụ về xây dựng, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; tiếp tục cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh						
1	56	Luật đất đai (sửa đổi)	x		3/2023	Vụ Đất đai	- Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất; - Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai. - Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	
2	57	Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)	x		01/2023	Cục Quản lý Tài nguyên nước	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	
3	58	Luật Địa chất và Khoáng sản	x		10/2023	Cục Khoáng sản	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	
4	59	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản		x	6/2023	Cục Khoáng sản	Đơn vị liên quan	

STT		Tên đề án	Cấp trình		Thời gian trình	Đơn vị thực hiện		Ghi chú
	Theo NQ 01		Chính phủ	TTg CP		Chủ trì	Phối hợp	
5	60	Nghị định thay thế Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn.	x		11/2023	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Đơn vị liên quan	
II	III	Đẩy mạnh thực hiện thực chất, hiệu quả cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế						
6	101	Kế hoạch hành động quốc gia về thực hiện kinh tế tuần hoàn		x	11/2023	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	Đơn vị liên quan	
III	IV	Nhóm nhiệm vụ về phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng số. Tập trung bảo vệ môi trường, quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên						
7	114	Quyết định ban hành Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát.		x	10/2023	Cục Biến đổi khí hậu	Đơn vị liên quan	
8	115	Quyết định ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.		x	11/2023	Cục Biến đổi khí hậu	Đơn vị liên quan	
9	116	Xây dựng Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.		x	11/2023	Cục Quản lý Tài nguyên nước	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	

STT		Tên đề án	Cấp trình		Thời gian trình	Đơn vị thực hiện		Ghi chú
	Theo NQ 01		Chính phủ	TTg CP		Chủ trì	Phối hợp	
10	117	Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Hương thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	10/2023	Viện Khoa học tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> - Cục Quản lý tài nguyên nước - Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia và các đơn vị liên quan thuộc Bộ - Các Bộ, ngành, địa phương liên quan 	
11	118	Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Mã thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	9/2023	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> - Cục Quản lý tài nguyên nước - Viện Khoa học tài nguyên nước và các đơn vị liên quan thuộc Bộ - Các Bộ, ngành, địa phương liên quan 	
12	121	Đề án tổ chức Phiên họp lần thứ 8 Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Hà Lan về thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý nước.		x	5/2023	Cục Biến đổi khí hậu	Cục Quản lý tài nguyên nước và Đơn vị liên quan	
13		Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành môi trường đến năm 2030		x	11/2023	Cục Kiểm soát ONMT	Đơn vị liên quan	
14		Chương trình quốc gia về bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	11/2023	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Đơn vị liên quan	

Phụ lục số 03
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

I. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023 Quốc hội giao	Mục tiêu phấn đấu của Chính phủ	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị	%	95	95	Cục Kiểm soát ONMT
2	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	92	92	Cục Kiểm soát ONMT

II. CHỈ TIÊU CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH LĨNH VỰC

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến	%	90	Cục QLTTN

Phụ lục số 04**PHÂN CÔNG ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI THEO DÕI, CHỦ TRÌ, CHỊU TRÁCH NHIỆM MỘT SỐ MỤC TIÊU CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH NĂM 2023***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu phần đầu	Cơ quan theo dõi, đánh giá	
			Chủ trì	Phối hợp
1	Quyền tài sản (IPRI) của Liên minh quyền tài sản			
	Quyền tài sản vật chất (D2)	Cải thiện điểm số	Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường và các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan - Các Bộ, ngành, địa phương liên quan